**Bài 8: TẾ BÀO NHÂN THỰC**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

* Trình bày được đặc điểm chung của tế bào nhân thực.
* Mô tả được cấu trúc và chức năng của nhân tế bào.
* Mô tả được cấu trúc và nêu được chức năng của mạng lưới nội chất, ribôxôm, bộ máy Gôngi.

**2. Kĩ năng**

* Quan sát.
* So sánh.
* Liệt kê.
* Đọc và tóm tắt được các nội dung trong sách giáo khoa.

**3. Thái độ**

* Yêu thích môn học.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

|  |  |
| --- | --- |
| **Năng lực chung** | |
| **Nhóm năng lực** | **Năng lực thành phần** |
| **Tự học** | * Tìm hiểu thêm về những ĐV đơn bào. * Lên kế hoạch tự học phù hợp. * Tìm hiểu thêm về các bào quan trong TB. |
| **Phát hiện và giải quyết vấn đề** | * Phân biệt được TBNS, TBNT. * Phân biệt được TBTV, TBĐV về cấu trúc cơ bản. |
| **Tư duy** | * Phát hiện mối liên quan giữa cấu trúc và đặc tính của TB. |
| **Giao tiếp hợp tác** | * Trao đổi, trình bày, tổng hợp kiến thức khi trao đổi bài với bạn, giáo viên. * Trình bày những thắc mắc, khó khăn xảy ra trong quá trình học tập để được hỗ trợ. |
| **Sử dụng CNTT** | * Sử dụng internet để tìm hiểu 1 số kiến thức mở rộng theo yêu cầu của giáo viên và nhu cầu tự học. |
| **Năng lực chuyên biệt** | |
| * Hình thành năng lực tự học hỏi, nghiên cứu về các thành phần của TBNT. * Hình thành thế giới quan khoa học về sự sống, con người. | |

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

* Giáo án bài 8.
* Kiến thức mở rộng.

**2. Học sinh**

* Sách giáo khoa.
* Bài 8 đọc trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

* + - 1. **Kiểm tra bài cũ**
* TBNS có đặc điểm gì?
* TBNS có các thành phần cấu tạo nào?
* Có những dạng sống nào đơn giản hơn vi khuẩn?
  + - 1. **Hoạt động khởi động kết nối**

Nhắc lại kiến thức về TBNS cùng phần kiểm tra bài cũ để vào bài.

**3. Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức** |
| **- Hoạt động 1:** tìm hiểu đặc điểm chung của TBNT.  **- Mục tiêu hoạt động**: HS biết được các đặc điểm chung của TBNT, | | |
| * Trình bày đặc điểm chung của tế bào nhân thực? * Liệt kê các bào quan chỉ có ở TBĐV, TBTV. | * Có kích thước lớn, cấu tạo phức tạp, có hệ thống nội màng, màng nhân.   - Chỉ có ở TV: thành TB, lục lạp.  - Chỉ có ở ĐV: trung thể. | **Đặc điểm chung của tế bào nhân thực:**  - Kích thước lớn.  - Cấu tạo phức tạp:  + Có màng nhân ngăn cách nhân và tế bào chất.  + Có hệ thống nội màng chia tế bào chất thành các xoang riêng biệt.  + Các bào quan đều có màng bao bọc. |
| **- Hoạt động 2:** tìm hiểu về nhân và lưới nội chất.  - **Mục tiêu hoạt động**: HS tìm hiểu cấu trúc và chức năng chính của nhân, LNC. | | |
| **-** Sử dụng tranh hình 8.1 hoặc tranh riêng cho học sinh quan sát.  **+** Trình bày đặc điểm cấu tạo và chức năng của nhân tế bào?  - Nhận xét ý kiến trình bày của HS, bổ sung để hoàn thiện kiến thức.    - Yêu cầu HS tìm hiểu thí nghiệm sgk phần câu hỏi lệnh và trả lời câu hỏi:  + Cho biết con ếch con này có đặc điểm của loài nào?  + Thí nghiệm này có thể chứng minh được điều gì về nhân tế bào?  => Dẫn dắt: Từ thí nghiệm này, em cho biết nhân tế bào có chức năng gì?  - Yêu cầu HS quan sát tranh hình 8.1 sgk về lưới nội chất.  + Lưới nội chất có cấu tạo và chức năng như thế nào?  + LNC có chức năng gì? | HS nghe câu hỏi, tham khảo SGK trả lời.  **-** Quan sát tranh hình khám phá kiến thức.  + Tiến hành thảo luận 2 bạn cùng bàn và trình bày.  - Tìm hiểu thí nghiệm sgk, vận dụng kiến thức đã học lớp dưới để trả lời:  - Từ thí nghiệm kết hợp với thông tin sgk => khái quát hoá kiến thức.  - LNS có 2 loại trơn và hạt.  - LNC hạt tổng hợp protein, LNC trơn tổng hợp lipit, chuyển hóa đường, giải độc… | **I. Nhân tế bào**  - Cấu tạo:  + Có dạng hình cầu, đường kính khoảng 5µm.  + Bên ngoài là màng nhân bao bọc (màng kép) dầy khoảng 6 - 9 nm. Trên màng có các lỗ nhân.  + Bên trong là dịch nhân chứa chất nhiễm sắc (ADN liên kết với prôtêin) và nhân con.  - Chức năng: Nhân là thành phần quan trọng nhất của tế bào :  + Nơi chứa đựng thông tin di truyền.  + Điều khiển mọi hoạt động của tế bào thông qua điều khiển sự tổng hợp prôtêin.  **II. Lưới nội chất**  - Cấu tạo: Là hệ thống ống và xoang dẹp thông với nhau, gồm hai dạng:  + Lưới nội chất hạt: trên màng có đính các hạt ribôxôm.  + Lưới nội chất trơn: trên màng không đính ribôxôm mà đính các enzim.  - Chức năng:  + Lưới nội chất hạt: là nơi tổng hợp nên prôtêin tiết, prôtêin cấu tạo cho tế bào.  + Lưới nội chất trơn: tham gia tổng hợp lipit, chuyển hóa đường, phân hủy các chất độc hại. |
| * **Hoạt động 3**: tìm hiểu về riboxom và bộ máy gongi * **Mục tiêu hoạt động:** HS mô tả được cấu tạo và chức năng của 2 bào quan trên. | | |
| - Cấu tạo và chức năng của ribôxôm, và bộ máy gôngi?  - Nhận xét, đánh giá. | - Quan sát hình trả lời câu hỏi của GV:  + Ribôxôm cấu tạo gồm protein và rARN. Tổng hợp protein cho TB.  + Bộ máy gôngi là các túi dẹt có 1 lớp màng, làm nhiệm vụ đóng gói cho sản phẩm của TB. | **III. Ribôxôm**  - Cấu tạo: là bào quan không có màng bao bọc, gồm prôtêin và rARN.  - Chức năng: là nơi tổng hợp nên prôtêin.  **IV. Bộ máy Gôngi**  - Cấu tạo: là một chồng túi màng dẹp tách biệt nhau, có 1 lớp màng bao bọc.  - Chức năng: đóng gói, lắp ráp và phân phối các sản phẩm của tế bào. |

**4. Hoạt động luyện tập**

So sánh TBNS và TBNT.

**5. Hoạt động vận dụng tìm tòi, mở rộng**

Tìm hiểu mối liên hệ giữa lưới nội chất và bộ máy gôn-gi.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**NHẬN XÉT CỦA TỔ TRƯỞNG**

*Cà Mau, ngày tháng năm 20*

Ký duyệt của Tổ trưởng

**Hồng Thị Kiều Linh**

**KÝ DUYỆT**

**LUYỆN TẬP TẾ BÀO NHÂN THỰC**

**(Dành cho lớp nâng cao)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

* Củng cố lại kiến thức về cấu tạo tế bào nhân thực.
* Hiểu sâu hơn về cấu tạo và chức năng của TBNT.
* Làm vài bài tập về tế bào nhân thực, các bào quan riboxom, lưới nội chất, nhân.

**2. Kĩ năng**

* Quan sát.
* Làm bài tập.

**3. Thái độ**

* Yêu thích môn học.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

|  |  |
| --- | --- |
| **Năng lực chung** | |
| **Nhóm năng lực** | **Năng lực thành phần** |
| **Tự học** | * Tự tìm hiểu kiên thức về tế bào nhân thực. * Lên kế hoạch tự học phù hợp. |
| **Phát hiện và giải quyết vấn đề** | * Phân biệt được các thành phần cấu tạo của TBNT. |
| **Tư duy** | * Tư duy giải thích mối liên hệ giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần trong TBNT. |
| **Giao tiếp hợp tác** | * Trao đổi, trình bày, tổng hợp kiến thức khi trao đổi bài với bạn, giáo viên. * Trình bày những thắc mắc, khó khăn xảy ra trong quá trình học tập để được hỗ trợ. |
| **Sử dụng CNTT** | * Sử dụng internet để tìm hiểu 1 số kiến thức mở rộng theo yêu cầu của giáo viên và nhu cầu tự học. |
| **Năng lực chuyên biệt** | |
| * Hình thành năng lực tự học hỏi, nghiên cứu về TBNT. * Hình thành động lực tự học tập nhiều hơn. | |

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

* Giáo án tiết 16.
* Vài bài tập về TBNT.

**2. Học sinh**

* Sách giáo khoa.
* Nội dung lý thuyết tế bào nhân thực.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra bài cũ**

* Trình bày cấu tạo của tế bào nhân thực.
* Trình bày những bào quan chỉ có ở TBNT, TBTV, TBĐV.

**2. Hoạt động khởi động kết nối**

Dựa vào câu hỏi kiểm tra bài cũ dẫn vào bài luyện tập.

**3. Hoạt động luyện tập**

**Câu 1: Hãy liệt kê những thành phần chỉ có ở TBTV, TBĐV.**

**Hướng dẫn:**- Thành phần chỉ có ở TBTV: thành tế bào, lục lạp, không bào trung tâm lớn.

- Thành phần chỉ có ở TBĐV: lizoxom, trung thể, lông, roi, chất nền ngoại bào.

**Câu 2: Riboxom có thể tồn tại ở đâu trong tế bào nhân thực?**

**Hướng dẫn:**

- Riboxom tự do: nằm rãi rác trong tế bào, tổng hợp protein dùng cho TB.

- Riboxom của ti thể và lục lạp: tổng hợp protein dùng trong các bào quan này.

- Riboxom bám màng LNC: tổng hợp protein bám màng và xuất bào.

**Câu 3: Enzim amilaza có trong nước bọt của người được tổng hợp trong tế bào sau đó tiết ra ngoài tế bào của tuyến nước bọt rồi đi vào khoang miệng. Viết sơ đồ quá trình vận chuyển enzim này tính từ bào quan mà chúng được tổng hợp ra cho tới khi được vận chuyển ra khỏi tế bào?**

**Hướng dẫn:**

-Enzim được cấu tạo từ protein nên enzim amilaza cũng có bản chất là protein.

-Enzim amilaza được tiết ra khỏi tế bào tuyến nước bọt để đi vào khoang miệng nên nó phải được tổng hợp từ mạng lưới nội chất hạt sau đó đóng gói vận chuyển đến thể Gongi để hoàn thiện rồi lại được bao gói để xuất bào.

-Sơ đồ quá trình vận chuyển enzim:

Mạng lưới nội chất hạt 🡪 Túi tiết Bộ máy Gongi 🡪 Túi tiết(chứa enzim hoàn chỉnh) 🡪 Túi tiết liên kết với màng sinh chất 🡪 Giải phóng enzim ra khỏi tế bào.

**Câu 4: Tại sao bộ máy gongi có thể phân phối các sản phẩm đến đích một cách chính xác?**

**Hướng dẫn:**

- Bộ máy Gongi phân loại và hướng sản phẩm tới các phần khác nhau của tế bào.

+ Các dấu xác định phân tử ( như gắn nhóm photphat vào sản phẩm nhằm phân loại sản phẩm

+ Trên bề mặt túi vận chuyển có các phân tử để nhận biết vị trí cập cảng trên bề mặt màng các bào quan hoặc màng sinh chất.

4. **Hoạt động vận dụng tìm tòi, mở rộng**

Tìm hiểu thêm về các thành phần còn lại của TBNT.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**NHẬN XÉT CỦA TỔ TRƯỞNG**

**KÝ DUYỆT**

*Cà Mau, ngày tháng năm 20*

Ký duyệt của Tổ trưởng

**Hồng Thị Kiều Linh**